TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** Số: 03/2019/DSST Ngày 18/6/2019 *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------o0o--------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Viết Khai

2. Ông Bồ Xuân Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST - DS ngày 24/01/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS, ngày 29 ngày 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Trụ sở: Số 22 H, L, H, H

Đại diện theo quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, H

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Văn T – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V

(Ông Mai Văn T có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 và anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1985

Cùng trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, H

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, H

(Chị T, anh T, bà D vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam trình bày:

Ngày 16/9/2011, chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Văn T và Ngân hàng TMCP V đã ký hai Hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số LD1125900213 ngày 16/09/2011: Ngân hàng TMCP V cho chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Văn T vay 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh cây cảnh; Lãi suất trong hạn: 22%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8%/năm.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD1125900216 ngày 16/09/2011: Ngân hàng TMCP V cho chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Văn T vay 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng);* Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung tiền xây nhà và mua sắm trang thiết bị; Lãi suất trong hạn: 22%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8%/năm.

Tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên chị T, anh T và bà D đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 372237 do UBND huyện T, tỉnh H (nay thuộc Thành phố H) cấp ngày 02/08/1996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 249 QSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị D. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 16/9/2011 tại Văn phòng công chứng K. Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà – Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố H.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng *(Một tỷ sáu trăm triệu đồng)*.

Tuy nhiên, anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V. Tính đến ngày 25/02/2012, anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T đã trả Ngân hàng được 166.268.831 đồng. Trong đó, trả vào gốc 53.200.000 đồng, trả vào lãi là 113.068.831 đồng.

Tính đến ngày đến ngày 18/6/2019, anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là **5.493.098.184** đồng. Trong đó, nợ gốc là **1.546.800,000** đồng; nợ lãi là **2.799.205.532** đồng; phạt chậm trả là **1.147.092.652** đồng.

Ngày 31/12/2015, Ngân hàng TMCP V đã bán khoản nợ của chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T cho Công ty TNHH M, theo hợp đồng mua bán nợ số 24003/2015/MBN.VAMC2-VPBANK.

Ngày 31/12/2015, Công ty TNHH M và Ngân hàng TMCP V đã ký Hợp đồng ủy quyền số 2004/2015/UQ.VAMC2-VPBANK. Theo đó, Ngân hàng TMCP V có quyền thay mặt Công ty TNHH M khởi kiện anh T và chị T ra Tòa án để đòi khoản nợ trên.

Do vậy, Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền: **5.493.098.184** đồng. Trong đó, nợ gốc là **1.546.800.000** đồng; nợ lãi là **2.799.205.532** đồng; phạt chậm trả là **1.147.092.652** đồng ***(tính đến ngày 18/6/2019)*** và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 372237 do UBND huyện T, tỉnh H (nay thuộc Thành phố H) cấp ngày 02/08/1996 mang tên bà Nguyễn Thị D. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 16/9/2011 tại Văn phòng công chứng K. Tài

sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà – Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị D trình bày: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H do bà Nguyễn Thị D là chủ sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/9/2011, bà D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất trên cho Ngân hàng TMCP V để đảm bảo cho khoản vay của chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T. Nay, chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T không có khả năng thanh toán nợ, bà D đề nghị Công ty TNHH M cho chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T được trả nợ dần, tạo điều kiện để bà D có chỗ ở và chỗ sinh hoạt. Do sức khỏe yếu nên bà D xin được giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và giấy báo để báo chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T trốn tránh không đến Tòa án, không có mặt tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú nên Tòa án phải tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với chị T và anh T.

Tại phiên tòa:

Công ty TNHH M rút một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện, đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là **1.147.092.652** đồng cho chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T. Các yêu cầu khác Công ty TNHH M vẫn giữ nguyên, cụ thể:

1. Buộc anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền: **4.346.005.532** đồng, bao gồm nợ gốc là **1.546.800.000** đồng; nợ lãi là **2.799.205.532** đồng *(tính đến ngày 18/6/2019)* và các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 372237 do UBND huyện T, tỉnh H (nay thuộc Thành phố H) cấp ngày 02/08/1996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 249 QSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị D. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 16/9/2011 tại Văn phòng công chứng K. Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà – Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không đến Tòa, không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định của pháp luật, yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T có địa chỉ tại thôn C, xã H, huyện T, H trả số tiền đã vay với tư cách cá nhân nên đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị D xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án. Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T không đến Tòa án, không có mặt tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng có liên quan đối với chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T tại nơi chị T, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và tại Ủy ban nhân dân xã H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 29/5/2019 do chị T, anh T và bà D vắng mặt không có lý do nên nên tại phiên tòa hôm nay, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, chị T, anh T là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số LD1125900213 ngày 16/09/2011 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD1125900216 ngày 16/09/2011 giữa Ngân hàng TMCP V với chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T được ký kết bằng văn bản, trên cơ sở tự nguyện, theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005.

3.2] Theo Hợp đồng tín dụng số LD1125900213 ngày 16/09/2011: Ngân hàng TMCP V cho chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Văn T vay 800.000.000 đồng

(*Tám trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh cây cảnh.

Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD1125900216 ngày 16/09/2011: Ngân hàng TMCP V cho chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Văn Tvay 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng);* Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung tiền xây nhà và mua sắm trang thiết bị.

Cả hai Hợp đồng tín dụng đều quy định lãi suất trong hạn: 22%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8%/năm.

Tính đến ngày 25/02/2015, chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T đã trả được tổng số tiền là 166.268.831 đồng, trong đó trả vào gốc là 53.200.000 đồng, trả vào lãi là 113.068.831 đồng. Sau đó, chị T và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa.

Tính đến ngày 18/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T còn nợ Công ty TNHH M tổng số tiền là **5.493.098.184** đồng. Trong đó, nợ gốc là **1.546.800.000** đồng; nợ lãi là **2.799.205.532** đồng; phạt chậm trả là **1.147.092.652** đồng.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH M rút một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện, đồng ý miễn khoản tiền phạt chậm trả cho bị đơn.

Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M, buộc chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải trả Công ty TNHH M tổng số tiền là **4.346.005.532** đồng (*Bốn tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm linh năm nghìn, năm trăm ba hai đồng*), bao gồm nợ gốc là **1,546,800,000** đồng (*Một tỷ, năm trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*); nợ lãi là **2.799.205.532** đồng

(*Hai tỷ, bẩy trăm chín mươi chín triệu, hai trăm linh năm nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng).*

Đình chỉ yêu cầu về khoản tiền phạt chậm trả do Công ty TNHH M đã rút yêu cầu này tại phiên tòa.

3.3] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay của chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số đất số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 372237 do UBND huyện Y, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố H) cấp ngày 02/08/1996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 249 QSDĐ đứng tên bà Nguyễn Thị Dư. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp lập ngày 30/01/2019 thì tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp tại Ngân hàng TMCP V. Trên đất, hiện chỉ có bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng.

Xét, Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, được đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Do chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty TNHH M nên cần chấp nhận yêu cầu đề nghị giải quyết tài sản thế chấp của Công ty TNHH M.

3.4] Về lãi suất: Tính đến ngày 18/6/2019, Công ty TNHH M yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải trả tổng số tiền lãi là **2.799.205.532** đồng. Trong đó, lãi trong hạn là **43.658.509** đồng, lãi quá hạn là **2.755.547.023** đồng.

Xét thấy mức lãi suất trong hạn và quá hạn Công ty TNHH M đã tính phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị của Công ty THNN M về khoản tiền lãi.

4] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty THNN M được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải nộp tiền án phí có giá ngạch để sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, 477, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 244; Điều 146; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải thanh toán trả Công ty TNHH M tổng số tiền là **4.346.005.532** đồng (*Bốn tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm linh năm nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng*), trong đó tiền nợ gốc là **1,546,800,000** đồng (*Một tỷ, năm trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*); tiền nợ lãi là **2.799.205.532** đồng (*Hai tỷ, bẩy trăm chín mươi chín triệu, không trăm linh năm nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng*) (tính đến hết ngày 18/6/2019).

2. Trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T không trả được nợ cho Công ty TNHH M thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự tiến hành phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 05, diện tích 380 m^2 ở thôn C, xã H, huyện T, TP. H

theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 372237 do UBND huyện T, tỉnh H (nay là Thành phố H) cấp ngày 02/08/1996 cho bà Nguyễn Thị D để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH M.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải trả số tiền phạt chậm trả là **1.147.092.652** đồng.

4. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.346.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại Công ty TNHH M 56.742.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, bẩy trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AB/2015/0007115 ngày 24/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày 19/6/2019, chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND TP. H;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Phạm Trung Hòa